TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒN ĐẤT** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **96**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 10/09/2019.
V/v "Tranh chấp ly hôn và con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thanh Thảo.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Cao Phước Nghĩa.**

Ông **Bùi Việt Thái.**

Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Thanh Sang -** Thư ký TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện VKSND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang: Ông **Nguyễn Minh Hậu** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 09 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 217/2019/TLST-HNGĐ, ngày 23/05/2019 về vụ "Tranh chấp về ly hôn và con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05/08/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21/8/2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Dương Bé Q**, sinh năm: 1979 (Có mặt).

* Bị đơn: Anh **Đặng Giải Ph**, sinh năm: 1974 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 3, ấp B Đ, xã ThS, huyện H Đ, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và tại phiên tòa nguyên đơn chị Dương Bé Q trình bày như sau:***

- *Về hôn nhân*: Chị và anh Ph tự tìm hiểu yêu thương nhau được hai bên gia đình đồng ý nên đến hôn nhân. Anh chị có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc có với nhau 02 người con chung. Đến đầu năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cự cãi nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Ph thường xuyên bỏ nhà đi ra ngoài sinh sống không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Cũng từ đó vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay, không ai

còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Ph.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:* Anh chị có tên Đặng Quỳnh Như, sinh năm 1994 và Đặng Nhật Quy, sinh ngày 22/08/2002. Hiện nay cháu Như đã trưởng thành và không bị nhược điểm gì về thể chất lẫn tinh thần nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Còn cháu Quy hiện nay đã sống cùng chị nên chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Quy và không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chun*g: Chị khai nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại bản tự khai ngày 09/7/2019 bị đơn anh Đặng Giải Ph trình bày như sau:***

- *Về hôn nhân*: Anh và chị Q tự tìm hiểu yêu thương nhau được hai bên gia đình đồng ý nên đến hôn nhân. Anh chị có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng không có tiếng nói chung và vợ chồng đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Nay chị Q yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:* Anh chị có 02 người con chung tên là Đặng Quỳnh Như, sinh năm 1994 và Đặng Nhật Quy, sinh ngày 22/08/2002. Hiện nay cháu Như đã trưởng thành và không bị nhược điểm gì về thể chất lẫn tinh thần. Còn cháu Quy thì anh đồng ý giao cho chị Q nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chun*g: Anh khai nhận vợ chồng không có.

Tại phiên tòa:

- Chị Dương Bé Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Ông Nguyễn Minh Hậu - Kiểm sát viên là đại diện VKSND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang trình bày quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo tố tụng: Việc tòa án xác định quan hệ tranh chấp và thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện tốt các quyền cũng như nghĩa vụ của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh Ph là vợ chồng. Về con chung: Giao 01 con chung tên là Đặng Nhật Quy, sinh ngày 22/08/2002 cho chị Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung: Không xét. Về án phí buộc chị Q phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Đặng Giải Ph là bị đơn trong vụ có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Ph theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Theo chị Q và anh Ph trình bày anh chị đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới vào năm 1993 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc nên anh chị đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại các Điều 8, Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, căn cứ vào các quy định này Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Dương Bé Q và anh Đặng Giải Ph là vợ chồng.

- *Về con chung:* Anh chị 02 con chung tên là Đặng Quỳnh Như, sinh năm 1994 và Đặng Nhật Quy, sinh ngày 22/08/2002. Hiện nay cháu Như đã trưởng thành và không bị nhược điểm gì về thể chất lẫn tinh thần nên anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Còn cháu Quy hiện nay đã sống cùng chị Q nên chị Q yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Quy. Xét yêu cầu nuôi con của chị Q là có cơ sở chấp nhận. Vì hiện nay cháu Quy đang sống cùng chị Q, tại bản tự khai cháu Quy có ý kiến muốn sống cùng với mẹ và tại bản tự khai anh Ph cũng đồng ý giao cháu Quy cho chị Q nuôi dưỡng. Do đó, giao cháu Quy cho chị Q tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị Q không yêu cầu nên không xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Anh chị xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Dương Bé Q phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 8; Điều 9; Điều 14; Điều 53; Điều 81; Điều 83 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Dương Bé Q với anh Đặng Giải Ph là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Nhật Quy cho chị Dương Bé Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian chị Q chăm sóc, nuôi dưỡng con chung thì phía anh Ph được quyền tới lui thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

4. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Dương Bé Q phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị Q đã nộp theo biên lai thu số: 0002345, ngày 10/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (Chị Q đã nộp xong).

5. Quyền kháng cáo: Chị Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Ph có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND huyện Hòn Đất;
- UBND xã, thị trấn;
- CCTHADS;
- Đương sự;
- Lưu.

Lê Thị Thanh Thảo